

**TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TỈNH ĐẮK LẮK**

Số: 1632/CTĐLA-TTHT
V/v tăng cường công tác quản lý
thu thuế đối với mặt hàng sầu riêng

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đắk Lắk, ngày 07 tháng 6 năm 2024

Kính gửi: Các doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

Thực hiện Thông báo số 78/TB-VPUBND ngày 02/5/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về kết luận của đồng chí Nguyễn Thiên Văn - Phó Chủ tịch UBND tỉnh tại Hội nghị tổng kết ngành hàng sầu riêng năm 2023, phương hướng nhiệm vụ 2024. Để đảm bảo quyền lợi cho người nộp thuế và ngăn chặn, xử lý hành vi vi phạm pháp luật về thuế, Cục Thuế tuyên truyền để các doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk được biết, cụ thể như sau:

1. Đối tượng kê khai, nộp thuế

- Doanh nghiệp, tổ chức hoạt động kinh doanh ngành hàng sầu riêng thuộc đối tượng khai thuế, nộp thuế GTGT và TNDN.
- Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh hoạt động mua bán sầu riêng thuộc đối tượng khai thuế, nộp thuế GTGT và TNCN.

2. Trường hợp không chịu thuế, không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT

- Sản phẩm sầu riêng chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường của tổ chức, cá nhân tự sản xuất bán ra và ở khâu nhập khẩu thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.
- Doanh nghiệp, hợp tác xã nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ bán sản phẩm sầu riêng chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường cho doanh nghiệp, hợp tác xã ở khâu kinh doanh thương mại không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT.

Sản phẩm sầu riêng mới qua sơ chế thông thường là sản phẩm mới được làm sạch, phơi, sấy khô, bóc vỏ, bảo quản lạnh (ướp lạnh, đông lạnh), bảo quản bằng khí sunfuro, bảo quản theo phương thức cho hóa chất để tránh thối rữa, ngâm trong dung dịch lưu huỳnh hoặc ngâm trong dung dịch bảo quản khác và các hình thức bảo quản thông thường khác.

3. Khai thuế, tính nộp thuế GTGT

- Doanh nghiệp, hợp tác xã nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ bán sản phẩm sầu riêng chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường cho các đối tượng khác như hộ, cá nhân kinh doanh và các tổ chức, cá nhân khác thì phải kê khai, tính nộp thuế GTGT theo mức thuế suất 5%.
- Hộ, cá nhân kinh doanh, doanh nghiệp, hợp tác xã và tổ chức kinh tế khác nộp thuế GTGT theo phương pháp tính trực tiếp trên GTGT khi bán sản phẩm sầu

riêng chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường ở khâu kinh doanh thương mại thì kê khai, tính nộp thuế GTGT theo tỷ lệ 1% trên doanh thu.

4. Khai, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)

4.1. Nguyên tắc khai và nộp thuế

Doanh nghiệp căn cứ kết quả kinh doanh trong năm để thực hiện tạm nộp số thuế TNDN của quý; doanh nghiệp không phải nộp tờ khai thuế TNDN tạm tính hàng quý nhưng phải nộp hồ sơ khai quyết toán thuế TNDN năm (bao gồm cả trường hợp DN không phát sinh thu nhập, DN được miễn thuế, giảm thuế TNDN).

Tổng số thuế thu nhập doanh nghiệp đã tạm nộp của 04 quý không được thấp hơn 80% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo quyết toán năm. Trường hợp người nộp thuế nộp thiếu so với số thuế phải tạm nộp 04 quý thì phải nộp tiền chậm nộp tính trên số thuế nộp thiếu kể từ ngày tiếp sau ngày cuối cùng của thời hạn tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp quý 04 đến ngày liền kề trước ngày nộp số thuế còn thiếu vào ngân sách nhà nước.

4.2. Chi phí không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN

Các khoản chi phí của doanh nghiệp không đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính (được sửa đổi, bổ sung tại Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 20/6/2015 của Bộ Tài chính) thì không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế, bên cạnh đó doanh nghiệp cần lưu ý thêm khoản chi không được trừ sau:

Không được trừ vào chi phí của doanh nghiệp khi mua sào riêng của người sản xuất trực tiếp bán ra hoặc của cá nhân, hộ kinh doanh có mức doanh thu dưới ngưỡng doanh thu chịu thuế giá trị gia tăng (100 triệu đồng/năm) nhưng không lập Bảng kê kèm theo chứng từ thanh toán cho người bán (không có hóa đơn, được phép lập Bảng kê thu mua hàng hóa, dịch vụ mua vào theo mẫu số 01/TNDN kèm theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC).

Bảng kê thu mua hàng hóa, dịch vụ do người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền của doanh nghiệp ký và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực. Doanh nghiệp mua sào riêng được phép lập Bảng kê tính vào chi phí được trừ nêu trên không bắt buộc phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt. Trường hợp giá mua trên bảng kê cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua hàng thì cơ quan thuế căn cứ vào giá thị trường tại thời điểm mua hàng trên thị trường xác định lại mức giá để tính lại chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế.

5. Khai thuế, tính nộp thuế thu nhập cá nhân

5.1. Đối với hoạt động mua, bán sào riêng

a) Căn cứ tính thuế

Căn cứ tính thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh là doanh thu tính thuế và tỷ lệ thuế tính trên doanh thu, trong đó:

- Doanh thu tính thuế TNCN đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh là doanh thu bao gồm thuế của toàn bộ tiền bán hàng phát sinh trong kỳ tính thuế.

- Tỷ lệ thuế tính trên doanh thu là 0,5%

b). Phương pháp kê khai, tính thuế

- Phương pháp khai thuế theo từng lần phát sinh: Là phương pháp khai thuế, tính thuế theo tỷ lệ trên doanh thu thực tế từng lần phát sinh (đối với cá nhân kinh doanh không thường xuyên và không có địa điểm kinh doanh cố định).

- Phương pháp khoán: Là phương pháp tính thuế theo tỷ lệ trên doanh thu khoán do cơ quan thuế xác định để tính mức thuế khoán (đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ).

- Phương pháp kê khai: Là phương pháp khai thuế, tính thuế theo tỷ lệ trên doanh thu thực tế phát sinh theo kỳ tháng hoặc quý (đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh quy mô lớn; hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh chưa đáp ứng quy mô lớn nhưng lựa chọn nộp thuế theo phương pháp kê khai)

5.2. Đối với hoạt động thuê nhân công

Các tổ chức, cá nhân trả tiền công cho cá nhân cư trú không ký hợp đồng lao động hoặc ký hợp đồng lao động dưới ba (03) tháng có tổng mức trả thu nhập từ hai triệu (2.000.000) đồng/lần trở lên thì phải khấu trừ thuế theo mức 10% trên thu nhập trước khi trả cho cá nhân. Trường hợp cá nhân chỉ có duy nhất thu nhập ước tính tổng mức thu nhập chịu thuế sau khi trừ gia cảnh chưa đến mức phải nộp thuế thì làm cam kết (theo mẫu ban hành kèm theo văn bản hướng dẫn về quản lý thuế) gửi tổ chức trả thu nhập để tổ chức trả thu nhập làm căn cứ tạm thời chưa khấu trừ thuế thu nhập cá nhân. Cá nhân làm cam kết theo hướng dẫn tại điểm này phải đăng ký thuế và có mã số thuế tại thời điểm cam kết.

6. Hồ sơ khai thuế, thời hạn nộp hồ sơ, nộp thuế

6.1. Đối với tổ chức, doanh nghiệp

6.1.1. Về thuế GTGT

a) Hồ sơ khai thuế

Trường hợp người nộp thuế mới bắt đầu hoạt động, kinh doanh thì được lựa chọn khai thuế giá trị gia tăng theo quý. Sau khi hoạt động kinh doanh đủ 12 tháng thì từ năm dương lịch liền kề tiếp theo năm đã đủ 12 tháng sẽ căn cứ theo mức doanh thu của năm dương lịch trước liền kề (đủ 12 tháng) để thực hiện khai thuế giá trị gia tăng theo kỳ tính thuế tháng hoặc quý. Khai thuế theo quý áp dụng đối với người nộp thuế giá trị gia tăng có tổng doanh thu bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ của năm trước liền kề từ 50 tỷ đồng trở xuống, trên 50 tỷ đồng thì khai thuế GTGT theo tháng.

- Đối với DN áp dụng phương pháp khấu trừ thuế: Tờ khai thuế giá trị gia tăng theo mẫu số 01/GTGT và một số phụ lục kèm theo (nếu có) ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC

- Đối với DN áp dụng phương pháp trực tiếp trên doanh thu: Hồ sơ khai thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp trên doanh thu là Tờ khai thuế giá trị gia tăng mẫu số 04/GTGT ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC.

b) Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế và nộp thuế

- Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế và nộp thuế GTGT quý chậm nhất là ngày thứ 30 (ba mươi) của quý tiếp theo quý phát sinh nghĩa vụ thuế.

- Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế và nộp thuế GTGT tháng chậm nhất là ngày thứ 20 (hai mươi) của tháng tiếp theo tháng phát sinh nghĩa vụ thuế.

6.1.2. Về thuế TNDN

a) Hồ sơ quyết toán thuế TNDN

- Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp theo mẫu số 03/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC.

- Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán.

- Một hoặc một số phụ lục kèm theo tờ khai ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC.

b) Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế và nộp thuế

- Thời hạn nộp hồ sơ quyết toán thuế năm chậm nhất là ngày thứ 90 (chín mươi), kể từ ngày kết thúc năm dương lịch hoặc năm tài chính.

- Thời hạn nộp thuế TNDN theo quý: Chậm nhất vào ngày thứ 30 (ba mươi) của quý tiếp theo quý phát sinh nghĩa vụ thuế.

- Thời hạn nộp thuế TNDN theo quyết toán: Chậm nhất là ngày cuối cùng của thời hạn nộp hồ sơ khai thuế.

6.1.3. Về thuế TNCN

a) Hồ sơ khai thuế theo tháng, quý

Tổ chức, cá nhân trả thu nhập khấu trừ thuế đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công khai thuế theo Tờ khai mẫu số 05/KK-TNCN; phụ lục bảng xác định số thuế thu nhập cá nhân phải nộp đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công và trúng thưởng 05-1/PBT-KK-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC.

b) Hồ sơ quyết toán thuế

Tổ chức, cá nhân trả thu nhập từ tiền lương, tiền công thực hiện khai quyết toán thuế theo Tờ khai Mẫu số 05/QTT-TNCN kèm theo Phụ lục bảng kê chi tiết cá nhân thuộc diện tính thuế theo biểu lũy tiến từng phần mẫu 05-1/BK-QTT-TNCN; Phụ lục bảng kê chi tiết cá nhân thuộc diện tính thuế theo thuế suất toàn phần mẫu 05-2/BK-QTT-TNCN; Phụ lục bảng kê chi tiết người phụ thuộc giảm trừ gia cảnh mẫu 05-3/BK-QTT-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC.

c) Thời hạn nộp thuế: Thực hiện theo thời hạn khai thuế theo tháng, quý, năm được hướng dẫn tại điểm 6.1.1 và 6.1.2 nêu trên.

6.2. Đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh

a) Hộ khoán khai thuế khoán ổn định 01 lần/năm theo doanh thu và mức thuế khoán được xác định từ đầu năm theo Tờ khai do CQT cung cấp (mẫu 01/CNKD ban hành kèm theo Thông tư số 40/2021/TT-BTC ngày 01/6/2021 của Bộ Tài chính) và nộp Tờ khai thuế đến Tổ công tác tiếp nhận tờ khai thuế đặt tại UBND xã, phường, thị trấn chậm nhất là ngày 15/12/2023.

Hộ khoán nộp tiền thuế GTGT, thuế TNCN vào NSNN chậm nhất là ngày cuối cùng của tháng qua hệ thống ngân hàng hoặc nộp thuế qua tổ chức ủy nhiệm thu theo thời hạn trên Thông báo của cơ quan thuế.

b) Hộ kê khai thực hiện khai thuế theo tháng hoặc quý theo quy định. Hồ sơ khai thuế bao gồm: Tờ khai thuế theo mẫu số 01/CNKD kèm theo Phụ lục Bảng kê hoạt động kinh doanh trong kỳ theo mẫu số 01-2/BK-HĐKD ban hành kèm theo Thông tư số 40/2021/TT-BTC và nộp hồ sơ khai thuế đối với hộ kê khai là CCT quản lý trực tiếp nơi hộ kê khai hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế và nộp thuế GTGT quý chậm nhất là ngày thứ 30 (ba mươi) của quý tiếp theo quý phát sinh nghĩa vụ thuế; thời hạn nộp hồ sơ khai thuế và nộp thuế GTGT tháng chậm nhất là ngày thứ 20 (hai mươi) của tháng tiếp theo tháng phát sinh nghĩa vụ thuế. Thời hạn nộp thuế chậm nhất là ngày cuối cùng của thời hạn nộp hồ sơ khai thuế. Trường hợp khai bổ sung hồ sơ khai thuế, thời hạn nộp thuế là thời hạn nộp hồ sơ khai thuế của kỳ tính thuế có sai, sót.

c) Cá nhân kinh doanh nộp thuế theo từng lần phát sinh nộp hồ sơ khai thuế và nộp thuế tại Chi cục Thuế quản lý trực tiếp nơi cá nhân phát sinh hoạt động kinh doanh, cụ thể như sau:

- Tờ khai thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh theo mẫu số 01/CNKD ban hành kèm theo Thông tư số 40/2021/TT-BTC.
- Bản sao hợp đồng kinh tế cung cấp hàng hóa, dịch vụ;
- Bảng kê thu mua hàng nông sản của cá nhân tự sản xuất bán ra.

d) Cá nhân kinh doanh, hộ kinh doanh có chi trả thu nhập cho người lao động thực hiện khai thuế, quyết toán thuế TNCN theo hướng dẫn tại tiết 6.1.3 nêu trên.

7. Hóa đơn, chứng từ

7.1. Nguyên tắc lập, quản lý, sử dụng hóa đơn, chứng từ

- Khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, người bán phải lập hóa đơn để giao cho người mua và phải ghi đầy đủ nội dung, định dạng chuẩn dữ liệu của cơ quan thuế theo quy định tại Điều 10 và Điều 12 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP.

7.2 Hộ kinh doanh sử dụng Hóa đơn điện tử (HĐĐT)

- Hộ kinh doanh sử dụng hóa đơn phải thực hiện chế độ kế toán theo hướng dẫn tại Thông tư số 88/2021/TT-BTC ngày 11/10/2021 của Bộ Tài chính và nộp thuế theo phương pháp kê khai.

- Hộ khoán, hộ nộp thuế theo từng lần phát sinh cần hoá đơn giao cho khách

hàng thì đề nghị CQT cấp HĐĐT theo từng lần phát sinh.

7.3. Tra cứu, cung cấp, sử dụng thông tin hóa đơn điện tử

Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, hộ, cá nhân kinh doanh là người bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; các tổ chức, cá nhân là người mua hàng hóa, dịch vụ truy cập vào Cổng thông tin hóa đơn điện tử của Tổng cục Thuế (<https://hoadondientu.gdt.gov.vn>) để tra cứu thông tin hóa đơn điện tử theo các nội dung thông tin hóa đơn điện tử.

Trên đây là một số nội dung tuyên truyền, hướng dẫn các chính sách liên quan thuế GTGT, TNDN, TNCN đối với hoạt động kinh doanh ngành hàng sầu riêng. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc xin vui lòng liên hệ cơ quan Thuế quản lý trực tiếp để được hướng dẫn, giải đáp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Tuyên giáo Đảng ủy Khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh;
- Đài Phát thanh và Truyền hình Đắk Lắk;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh Đắk Lắk;
- Báo Đắk Lắk;
- Chi cục Thuế các huyện, khu vực, TP;
- Phòng TTKT1,2,3; NVDTPC;
- Website và Zalo của Cục Thuế;
- Lưu: VT, TTHT.

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



Phạm Thanh Long